TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH ĐẠI – TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:67/2018/DS-ST
Ngày: 21- 8 -2018
V/v tranh chấp: "Hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Văn Săng

Bà Võ Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre tham gia phiên toà:

Bà Nguyễn Thị Loan -Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2018/TLST-DS ngày 29 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp: "Hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2018/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn:* Võ Thị T, sinh năm: 1973 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp VX (1), xã VQĐ, huyện BĐ, tỉnh BT.

-*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:*

Luật sư Lê Thị Thùy V của Văn phòng luật sư Lê Thùy V thuộc Đoàn luật sư tỉnh VL (Có mặt).

Địa chỉ: Số 127B/9 PĐ 1, xã BHP, huyện LH, tỉnh VL.

- *Bị đơn:* Huỳnh Thị T (4 T), sinh năm: 1964 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp VX (1), xã VQĐ, huyện BĐ, tỉnh BT.

-*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Nguyễn Văn H, sinh năm: 1962 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp VX (1), xã VQĐ, huyện BĐ, tỉnh BT.

-*Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Huỳnh Thị T (Bị đơn trong vụ án)

Theo giấy ủy quyền đề ngày 22/5/2018.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/01/2018, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 09/7/2018, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án và tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, nguyên đơn chị Võ Thị T trình bày:

Bà Huỳnh Thị T có trực tiếp tham gia chơi trong 02 dây hụi tháng có mệnh giá 1.000.000 đồng do chị làm chủ. 02 dây hụi bà T tham gia chơi cụ thể như sau:

-Dây hụi thứ 1: Khui vào ngày 10/5/2016 âm lịch, dây hụi có 35 phần, tháng khui 01 lần vào ngày 10 âm lịch hàng tháng, bà T chơi 01 phần, đã hốt 01 phần đầy đủ ở lần khui đầu tiên ngày 10/5/2016 âm lịch số tiền là 21.090.000 đồng (Đã trừ tiền hoa hồng, bỏ thăm giá 365.000 đồng), chị đã giao tiền hụi hốt đầy đủ cho bà T. Sau khi hốt hụi, bà T đã đóng cho chị được 12 kỳ hụi chết số tiền là 12.000.000 đồng (Từ lần khui thứ 2 đến lần khui thứ 13 ngày 10/5/2017 âm lịch) thì ngưng không đóng nữa cho đến nay. Dây hụi này tính đến ngày mãn hụi ngày 10/02/2019 âm lịch thì bà T còn phải đóng hụi chết cho chị 22 kỳ số tiền là 22.000.000 đồng. Chị đã choàng hụi đóng thay cho bà T tính đến ngày 10/5/2018 âm lịch được 13 kỳ (Từ lần khui thứ 14 ngày 10/6/2017 âm lịch đến lần khui thứ 26 ngày 10/5/2018 âm lịch) số tiền là 13.000.000 đồng (Năm 2017 có nhuần 02 tháng 6). Hiện nay dây hụi này chưa mãn, hụi mãn ngày 10/02/2019 âm lịch. Thực tế hiện nay dây hụi đã khui được 27 kỳ hụi chết còn lại 08 kỳ chưa khui. Phần hụi chết còn lại chị sẽ tiếp tục khởi kiện yêu cầu bà T trả cho chị khi dây hụi đã mãn và bà T không đóng tiền hụi chết.

- Dây hụi thứ 2: Khui ngày 25/12/2016 âm lịch, dây hụi có 36 phần, tháng khui 01 lần vào ngày 25 âm lịch hàng tháng, bà T chơi 01 phần. Dây hụi này bà T đã bỏ thăm hốt hụi ở lần khui thứ 3 ngày 25/02/2017 âm lịch số tiền là 21.135.000 đồng (Đã trừ tiền hoa hồng, bỏ thăm giá 405.000 đồng) chị đã giao tiền hụi hốt đầy đủ cho bà T. Sau khi hốt hụi bà T đã đóng cho chị được 02 kỳ hụi chết **(**Từ lần khui thứ 4 ngày 25/3/2017 đến lần khui thứ 5 ngày 25/4/2017 âm lịch) số tiền là 2.000.000 đồng thì ngưng không đóng nữa. Dây hụi này tính đến ngày mãn hụi ngày 25/10/2019 âm lịch thì bà T còn phải đóng hụi chết cho chị 31 kỳ số tiền là 31.000.000 đồng. Chị đã choàng hụi đóng thay cho bà T tính đến ngày 25/5/2018 âm lịch được 14 kỳ (Từ lần khui thứ 06 ngày 25/5/2017 âm lịch đến lần khui thứ 19 ngày 25/5/2018 âm lịch) số tiền là 14.000.000 đồng. Hiện nay dây hụi này chưa mãn, hụi mãn ngày 25/10/2019 âm lịch. Thực tế dây hụi đã khui được 20 kỳ hụi chết còn lại 16 kỳ chưa khui. Phần hụi chết còn lại chị sẽ tiếp tục khởi kiện yêu cầu bà T trả cho chị khi dây hụi đã mãn và bà T không đóng tiền hụi chết.

Như vậy, tổng số tiền hụi chị đã choàng hụi đóng thay cho bà T của 02 dây hụi nêu trên là 27.000.000 đồng, bà T chưa trả cho chị số tiền nợ hụi này. Quá trình giải quyết vụ án thì dây hụi khui ngày 25/12/2016 âm lịch, bà T cho rằng bà đã đóng được 03 tháng hụi chết số tiền là 3.000.000 đồng nhưng thực tế thì bà T chỉ đóng được cho chị 02 tháng tiền hụi chết **(**Từ lần khui thứ 4 ngày 25/3/2017 đến lần khui thứ 5 ngày 25/4/2017 âm lịch) là 2.000.000 đồng. Chị cũng đồng ý và chấp nhận theo sự trình bày của bà T, đồng ý khấu trừ cho bà T số tiền hụi chết 1.000.000 đồng mà bà T không thừa nhận trong dây hụi này. Như vậy, bà T nợ chị tiền hụi chết mà chị đã choàng hụi đóng thay của 02 dây hụi nêu trên là 26.000.000 đồng. Bà T chơi hụi chồng là ông Nguyễn Văn H đều biết. Số tiền hụi chết còn lại do dây hụi chưa mãn, chị sẽ khởi kiện bằng 01 vụ án khác.

Ngoài ra, bà T còn tham gia chơi trong 01 dây hụi khui ngày 15/02/2017 âm lịch, mệnh giá 1.000.000 đồng, hụi tháng khui 01 lần vào ngày 15 hàng tháng, dây hụi có 36 phần, bà T tham gia chơi 01 phần do chị làm chủ. Dây hụi này bà T đóng được 03 kỳ hụi sống với số tiền là 1.950.000 đồng. Cụ thể: Lần khui thứ 1 ngày 15/02/2017 âm lịch, bỏ thăm giá 320.000 đồng, đóng 680.000 đồng, lần khui thứ 2

ngày 15/3/2017 âm lịch, bỏ thăm giá 370.000 đồng, đóng 630.000 đồng, lần khui thứ 3 ngày 15/4/2017 âm lịch, bỏ thăm giá 360.000 đồng, đóng 640.000 đồng. Dây hụi này giữa chị và bà T có thỏa thuận ngay từ ban đầu là chị cho bà T tham gia chơi dây hụi này nhưng bà T phải đóng cho chị hụi sống được ½ của dây hụi chị mới cho bà T bỏ thăm hốt hụi. Vì bà T tham gia 02 dây hụi khui ngày 10/5/2016 âm lịch và ngày 25/12/2016 âm lịch bà T đã bỏ thăm hốt hết cả 02 dây hụi này. Bà T bỏ thăm hốt sớm thì chị không có khả năng choàng hụi nếu như bà T không đóng hụi chết, thỏa thuận này bà T đồng ý nên chị mới cho bà T tham gia chơi trong dây hụi này. Việc thỏa thuận này các bên chỉ thỏa thuận miệng không lập thành văn bản. Các lần khui đầu bà T có đi bỏ thăm hốt hụi nhưng chị không cho bà T hốt. Đến lần khui thứ 4 thì bà T bỏ thăm hốt hụi nhưng thăm của bà T đồng thăm và bỏ sau người khác nên bà T không được hốt hụi. Lúc này giữa chị và bà T có xảy ra việc cự cải sau đó bà T không đóng hụi sống tham gia chơi trong dây hụi này nữa và cả hụi chết của 02 dây hụi nêu trên đến nay.

Nay chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc vợ chồng bà Huỳnh Thị T và ông Nguyễn Văn H phải liên đới trả cho chị số tiền hụi chết không đóng mà chị phải choàng hụi đóng thay tính đến ngày chị khởi kiện bổ sung ngày 09/7/2018 là 26.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi suất. Tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, chị T vẫn giữ yêu cầu khởi kiện.

Luật sư Lê Thị Thùy V bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn chị T trình bày và đề nghị tại phiên Tòa:

Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án và tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, bị đơn bà Huỳnh Thị T đã thừa nhận có tham gia chơi và nợ số tiền hụi chết của 02 dây hụi tháng khui ngày 10/5/2016 âm lịch và ngày 25/12/2016 âm lịch cùng mệnh giá 1.000.000 đồng nên nguyên đơn chị T khởi kiện là hoàn toàn có căn cứ. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà T và ông Nguyễn Văn H cùng liên đới trả nợ vì hôn nhân của bà T và ông H còn tồn tại, ông bà còn chung sống, ông H có giấy ủy quyền cho bà T tham gia tố tụng và quyết định. Mục đích bà T chơi hụi là phục vụ kinh tế và trang trãi cuộc sống gia đình của bà T và ông H phù hợp với Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận

toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thị T. Buộc vợ chồng bà T và ông H phải liên đới trả số tiền hụi mà chị T đã choàng đóng thay là 26.000.000 đồng. Chị T không yêu cầu trả lãi suất.

*Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 21/5/2018, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án và tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, bị đơn bà Huỳnh Thị T cũng là người được ông Nguyễn Văn H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà hoàn toàn thừa nhận bà có tham gia chơi trong dây hụi, hụi tháng do chị Võ Thị T làm chủ. Các dây hụi bà tham gia chơi, đã bỏ thăm đóng hụi sống, hụi chết, hốt hụi như chị T trình bày là hoàn toàn đúng và bà hoàn toàn thống nhất. 02 dây hụi khui ngày 10/5/2016 âm lịch và ngày 25/12/2016 âm lịch bà thừa nhận con nợ chị T số tiền hụi chết là 26.000.000 đồng (Số tiền này chưa tính đến ngày mãn hụi). Riêng dây hụi khui ngày 15/02/2017 âm lịch, mệnh giá 1.000.000 đồng bà đóng được 03 kỳ hụi sống số tiền là 1.950.000 đồng thì bà không tham gia chơi nữa do chị T không cho bà hốt hụi dây hụi này, số tiền hụi sống chị T chưa trả cho bà, bà không có yêu cầu phản tố trong cùng vụ án này, không đồng ý khấu trừ số tiền hụi sống trong số tiền nợ hụi chết của 02 dây hụi mà bà đã hốt.

Số tiền nợ hụi chết của 02 dây hụi khui ngày 10/5/2016 âm lịch và ngày 25/12/2016 âm lịch, chị T khởi kiện bà không đồng ý trả do chị T không cho bà hốt hụi của dây hụi khui ngày 15/02/2017 âm lịch. Bà với chị T không có thỏa thuận gì của dây hụi khui ngày 15/02/2017 âm lịch như chị T trình bày. Bà chơi hụi của chị T chồng bà là ông H không biết, chồng bà chỉ biết khi chị T khởi kiện vợ chồng trả tiền hụi. Bà chơi hụi mục đích là hốt hụi để có vốn mua ve chai, làm ăn kinh tế và phục vụ sinh hoạt trong gia đình.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên Tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 26, 35, 39, 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn giao thông báo thụ lý vụ án cho Viện kiểm sát và đương sự trong vụ án và thời hạn chuẩn bị xét xử thực hiện đúng thời gian quy định tại khoản 1 Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Người tham gia tố tụng trong vụ án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có ủy quyền cho bị đơn tham gia tố tụng nên xét xử vắng mặt ông H là đúng quy định pháp luật. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015 xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị T. Bà T và ông Hlà vợ chồng hợp pháp, hiện sống chung nhà, giao dịch chơi hụi thực hiện trong thời gian vợ chồng còn sống chung. Cho nên, buộc vợ chồng bà T và ông H phải liên đới trả cho chị T số tiền hụi chết mà chị T đã choàng đóng thay là 26.000.000 đồng. Ghi nhận chị T không yêu cầu trả lãi suất. Đối với số tiền hụi sống mà bà T đã đóng trong dây hụi khui ngày 15/02/2017 âm lịch, bà T không có yêu cầu phản tố đối với chị T cấn trừ nợ, không đồng ý cho chị T khấu trừ vào số tiền nợ hụi chết nên không xem xét giải quyết trong cùng vụ án là phù hợp, đúng quy định. Bà T có quyền khởi kiện bằng 01 vụ án khác khi có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị T khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà Huỳnh Thị T và ông Nguyễn Văn H liên đới trả cho chị số tiền nợ hụi mà chị đã choàng đóng thay tính đến ngày chị T có đơn khởi kiện bổ sung ngày 09/7/2018 là 26.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy:

Quan hệ giao dịch chơi hụi giữa chị T (Chủ hụi) và bà T (Hụi viên) trong 02 dây hụi khui ngày 10/5/2016 và ngày 25/12/2016 âm lịch, hụi tháng có cùng mệnh giá 1.000.000 đồng. Mỗi dây hụi bà T tham gia chơi 01 phần và đã hốt đầy đủ. Điều này quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay bà T đều thừa nhận và hoàn toàn thống nhất số tiền nợ hụi của 02 dây hụi nêu trên nên công nhận là hợp pháp. Chị T không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử khẳng định giữa chị T và bà T có quan hệ giao dịch chơi hụi xảy ra, bà T có tham gia chơi hụi trong 02 dây hụi do chị T làm chủ, bà T đã hốt hụi không đóng hụi chết là hoàn toàn có thật. 02 dây hụi bà T chơi, đã hốt và nợ chị T cụ thể như sau:

-Dây hụi thứ 1: Khui vào ngày 10/5/2016 âm lịch, dây hụi có 35 phần, tháng khui 01 lần vào ngày 10 âm lịch hàng tháng, bà T chơi 01 phần, đã hốt đầy đủ ở lần khui đầu tiên ngày 10/5/2016 âm lịch số tiền là 21.090.000 đồng (Đã trừ tiền hoa hồng, bỏ thăm giá 450.000 đồng), giao tiền hụi hốt đầy đủ, bà T nhận tiền hụi. Sau khi hốt hụi bà T đóng được 12 kỳ hụi chết (Từ lần khui thứ 2 đến lần khui thứ 13 ngày 10/5/2017 âm lịch) thì ngưng không đóng nữa cho đến nay. Dây hụi này tính đến ngày mãn hụi ngày 10/02/2019 âm lịch thì bà T còn phải đóng hụi chết cho chị T là 22 kỳ số tiền là 22.000.000 đồng. Chị T đã choàng hụi đóng thay cho bà T tính đến ngày 10/5/2018 âm lịch được 13 kỳ (Từ lần khui thứ 14 ngày 10/6/2017 âm lịch đến lần khui thứ 26 ngày 10/5/2018 âm lịch) số tiền là 13.000.000 đồng (Năm 2017 có nhuần 02 tháng 6). Hiện nay dây hụi này chưa mãn, hụi mãn ngày 10/02/2019 âm lịch. Thực tế dây hụi đã khui được 27 kỳ hụi chết còn lại 08 kỳ chưa khui số tiền là 8.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ 2: Khui ngày 25/12/2016 âm lịch, dây hụi có 36 phần, tháng khui 01 lần vào ngày 25 âm lịch hàng tháng, bà T chơi 01 phần, đã hốt đầy đủ ở lần khui thứ 3 ngày 25/02/2017 âm lịch số tiền là 21.135.000 đồng (Đã trừ tiền hoa hồng, bỏ thăm giá 405.000 đồng), giao tiền hụi hốt đầy đủ, bà T nhận tiền hụi. Sau khi hốt hụi bà T đã đóng cho chị T được 02 kỳ hụi chết **(**Từ lần khui thứ 4 ngày 25/3/2017 đến lần khui thứ 5 ngày 25/4/2017 âm lịch) số tiền là 2.000.000 đồng thì ngưng không đóng nữa cho đến nay. Dây hụi này tính đến ngày mãn hụi ngày

25/10/2019 âm lịch thì bà T còn phải đóng hụi chết cho chị T là 31 kỳ số tiền 31.000.000 đồng. Chị T đã choàng hụi đóng thay cho bà T tính đến ngày 25/5/2018 âm lịch được 14 kỳ (Từ lần khui thứ 06 ngày 25/5/2017 âm lịch đến lần khui thứ 19 ngày 25/3/2018 âm lịch) số tiền là 14.000.000 đồng. Hiện nay dây hụi này chưa mãn, hụi mãn ngày 25/10/2019 âm lịch. Thực tế dây hụi đã khui được 20 kỳ hụi chết còn lại 16 kỳ hụi chưa khui số tiền là 16.000.000 đồng.

Tổng số tiền hụi chị T đã choàng hụi đóng thay cho bà T tính đến ngày chị T có đơn khởi kiện bổ sung ngày 09/7/2018 của 02 dây hụi nêu trên số tiền là 27.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án thì dây hụi khui ngày 25/12/2016 âm lịch, bà T cho rằng bà đã đóng được 03 tháng hụi chết số tiền là 3.000.000 đồng nhưng thực tế thì bà T chỉ đóng được cho chị T 02 tháng tiền hụi chết **(**Từ lần khui thứ 4 ngày 25/3/2017 đến lần khui thứ 5 ngày 25/4/2017 âm lịch) là 2.000.000 đồng. Chị T cũng đồng ý và chấp nhận theo sự trình bày của bà T, đồng ý khấu trừ cho bà T số tiền hụi chết 1.000.000 đồng mà bà T không thừa nhận trong dây hụi này. Đây là sự tự nguyện của chị T nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Như vậy, bà T nợ chị T tiền hụi chết mà chị T đã choàng hụi đóng thay của 02 dây hụi nêu trên là 26.000.000 đồng. Bà T chưa trả cho chị T số tiền nợ hụi này là đã vi phạm nghĩa vụ không đóng hụi chết đầy đủ sau khi hốt hụi. Do đó, chị T khởi kiện yêu cầu bà T phải trả cho chị T số tiền hụi chết 26.000.000 đồng mà chị đã choàng đóng thay của 02 dây hụi nêu trên là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự, Điều 16, 18, 30, 31 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Riêng số tiền hụi chết còn lại của 02 dây hụi khui ngày 10/5/2016 âm lịch và ngày 25/12/2016 âm lịch do cả 02 dây hụi hiện nay chưa mãn, chị T không yêu cầu giải quyết trong cùng vụ án này mà sẽ khởi kiện bằng 01 vụ án khác khi bà T không tiếp tục đóng hụi chết là phù hợp, đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử không xét đến để giải quyết.

[2] Chị T không yêu cầu trả lãi suất của số tiền nợ hụi của 02 dây hụi nêu trên. Đây là sự tự nguyện của chị T nên Hội đồng xét xử ghi nhận, không xét đến.

[3] Nguyên đơn chị T khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà T, ông H cùng liên đới trả nợ. Hội đồng xét xử thấy rằng: Số tiền nợ hụi nêu trên được hình thành trong thời kỳ hôn nhân giữa bà T và ông H. Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/5/2018 (Bút lục số 34, 35), biên bản đối chiếu ngày 11/6/2018 (Bút lục số 31 đến 33), biên bản hòa giải ngày 09/7/2018 (Bút lục số 63 đến 66) bà T đều khai bà và ông H (Chồng bà) có đăng ký kết hôn, hôn nhân giữa ông bà vẫn còn tồn tại, ông H và bà T vẫn còn sống chung nhà. Bà T khai mục đích chơi hụi, hốt hụi là để có vốn mua ve chai, làm ăn kinh tế và phục vụ sinh hoạt trong gia đình, ông H có sử dụng chung số tiền này. Do đó, bà T và ông H phải có trách nhiệm liên đới cùng trả số tiền nợ hụi nêu trên cho nguyên đơn chị T là đúng quy định pháp luật tại Điều 288 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 27, khoản 1 Điều 30 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Đối với dây hụi khui ngày 15/02/2017 âm lịch, mệnh giá 1.000.000 đồng, hụi tháng khui 01 lần vào ngày 15 hàng tháng, dây hụi có 36 phần, bà T tham gia chơi 01 phần, chị T làm chủ. Dây hụi này bà T đóng được 03 kỳ hụi sống với số tiền là 1.950.000 đồng. Cụ thể: Lần khui thứ 1 ngày 15/02/2017 âm lịch, bỏ thăm giá 320.000 đồng, đóng 680.000 đồng, lần khui thứ 2 ngày 15/3/2017 âm lịch, bỏ thăm giá 370.000 đồng, đóng 630.000 đồng, lần khui thứ 3 ngày 15/4/2017 âm lịch, bỏ thăm giá 360.000 đồng, đóng 640.000 đồng thì bà T không đóng hụi sống tham gia chơi trong dây hụi này nữa đến nay. Số tiền dây hụi này bà T không đồng ý khấu trừ số tiền hụi sống cho số tiền nợ của bà T, không đồng ý nhận lại tiền hụi sống, bà T không có yêu cầu phản tố đối với chị T của số tiền trong dây hụi khui ngày 15/02/2017 âm lịch. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong cùng vụ án. Bà T có quyền khởi kiện chị T bằng 01 vụ án khác khi chị T chưa trả cho bà và bà có đơn yêu cầu.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị T được chấp nhận. Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bà T và ông H phải liên đới chịu án phí là:

26.000.000 đồng x 5% = 1.300.000 đồng (Một triệu ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 288, 468, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27, khoản 1 Điều 30 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 16, 18, 30, 31 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường; Khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thị T đòi bà Huỳnh Thị T và ông Nguyễn Văn H trả tiền nợ góp hụi.

2. Buộc bà Huỳnh Thị T và ông Nguyễn Văn H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Võ Thị T số tiền góp hụi là 26.000.000 đồng (Hai mươi sáu triệu đồng).

3.Ghi nhận chị Võ Thị T không yêu cầu trả lãi suất của số tiền hụi nêu trên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong. Tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Huỳnh Thị T và ông Nguyễn Văn H phải liên đới chịu 1.300.000 đồng (Một triệu ba trăm nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho chị Võ Thị T 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo các biên lai thu số 0014936 ngày 29/3/2018, 0018055 ngày 11/7/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bến Tre;
-VKSND huyện Bình Đại;
-Chi cục THA dân sự huyện Bình Đại;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Hồng Phương